TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐA** **THÀNH PHỐ HN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đôc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:**708**/2023/QĐST-HNGĐ	*ĐA, ngày 05 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 565/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn Đ,** sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn NL, xã DT, huyện ĐA, T/P HN.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn NL, xã DT, huyện ĐA, T/P HN.

Chỗ ở: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, T/P HN.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị T. Quan hệ hôn nhân của hai bên chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là: cháu Phạm V.M – Sinh ngày 04/9/2008 và cháu Phạm Thị T.H – Sinh ngày 18/3/2013. Khi ly hôn anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu V.M và cháu T.H đến khi các cháu thành niên, có khả năng tự lập về kinh tế hoặc có sự thay đổi khác. Anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận với nhau về vấn đề cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản:** Anh Phạm Văn Đ và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm**: 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* mỗi bên chịu 1/2, hai bên thỏa thuận để anh Phạm Văn Đ chịu toàn bộ, số tiền

này được trừ vào 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* anh Đ đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007270 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA. Anh Đ được hoàn lại số tiền 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện ĐA;
- UBND xã DT;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số 01 Ngày 05/1/2007)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khánh